

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST

Ngày 15/7/2022

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Lệ Oanh

Bà Trần Thị An

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Minh N, sinh năm 1974. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang;

2. Bị đơn:

- Bà Trương Thị Hồng T, sinh năm 1983. (Có mặt)

- Ông Nguyễn Hoàng L. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Trần Minh N trình bày: Vào tháng 02 năm 2020 bà T có đến nhà ông vay tiền lần đầu là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), sau đó 01 tháng bà T đã thanh

toán đủ cho ông. Đến ngày 10/5/2020 bà T lại tiếp tục vay 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), mục đích vay là để mua bán nhà đất, bà T hứa sau khi bán nhà đất được sẽ trả hoa hồng cho ông, chứ không thỏa thuận lãi suất cụ thể. Nhưng sau đó hơn 01 tháng không thấy bà T đem tiền đến trả, ông có tìm gặp bà T để yêu cầu thanh toán nợ, bà T hứa đến ngày 20/7/2020 sẽ góp mỗi ngày 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, ông yêu cầu bà T viết giấy ghi nợ và hứa hẹn trong biên nhận. Ngày 20/7/2020 bà T viết biên nhận nợ và hứa trả góp mỗi ngày 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên sau khi viết biên nhận bà T thanh toán được 102.500.000 đồng thì không thanh toán tiếp. Nay ông yêu cầu bà Trương Thị Hồng T cùng chồng là ông Nguyễn Hoàng L thanh toán cho ông số tiền 597.500.000 đồng, cùng tiền lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Trương Thị Hồng T trình bày: Trước tháng 7/2020 bà có vay của ông N với số tiền tổng cộng 500.000.000 đồng, bao gồm 100.000.000 đồng trả lãi hàng tháng và 400.000.000 đồng trả góp hằng ngày, bà có giao lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại lô E10-46 cho ông N để làm tin. Trước đây bà cũng có vay tiền ông N, trong quá trình vay có trả rồi vay lại. Đến tháng 7/2020 ông N kết sổ thì bà còn nợ lại số tiền 510.000.000 đồng, ông N cộng luôn lãi thời điểm trước là 700.000.000 đồng, ông N yêu cầu ghi biên nhận, bà có ghi cả gốc và lãi là 700.000.000 đồng nhưng ông N không đồng ý mà yêu cầu bà ghi vay số tiền 700.000.000 đồng (bà có giữ lại biên nhận đó và đã cung cấp cho Tòa án). Ông N hứa không tính lãi nữa, phần lãi mà ông N tính vào bà đã thanh toán trước đó, do ông N hăm dọa đánh và lại nhà bà chửi bới thô tục nên bà mới đồng ý ghi biên nhận vay 700.000.000 đồng. Sau ngày 20/7/2020, chị bà đã thay bà thanh toán cho ông N số tiền 102.500.000 đồng. Việc vay tiền của ông N chồng bà là ông Nguyễn Hoàng L hoàn toàn không biết, bà vay để làm ăn riêng (mua bán nhà, đất) và ông L không có tham gia vào việc mua bán của bà, thu nhập chính của gia đình bà là từ lương của cả hai vợ chồng, ông L đi làm và đưa tiền lương cho bà để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, ngoài ra trước đây gia đình bà có kinh doanh mua bán hoa, cây cảnh. Nay bà thừa nhận có nợ ông Trần Minh N số tiền 500.000.000 đồng và yêu cầu khấu trừ số tiền đã trả cho ông N là 102.500.000 đồng, bà sẽ thanh toán cho ông N mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng L vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến khi xét xử ông L không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của thẩm

phán, hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử và bị đơn ông L chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên: Áp dụng Điều 463, 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Trương Thị Hồng T thanh toán số tiền vay là 597.500.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 102.500.000 đồng. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Trương Thị Hồng T, ông Nguyễn Hoàng L có địa chỉ cư trú tại khu phố 4, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Ông Nguyễn Hoàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông L.

[3] Về nội dung: Bà Trương Thị Hồng T có vay tiền của ông Trần Minh N nhiều lần nhưng đã trả xong. Đến ngày 10/5/2020 bà T lại tiếp tục vay 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), mục đích vay là để mua bán nhà đất, bà T hứa sau khi bán nhà được sẽ trả hoa hồng cho ông, chứ không thỏa thuận lãi. Đến ngày 20/7/2020, bà T viết biên nhận nợ và hứa từ ngày 25/7/2020 sẽ góp mỗi ngày 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng sau đó bà T không thực hiện và phát sinh tranh chấp. Sau khi viết biên nhận bà T có trả cho ông Trần Minh N số tiền 102.500.000 đồng. Nay ông N yêu cầu bà T thanh toán số nợ đã vay trừ đi số tiền đã nhận còn lại là 597.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Bà T khai rằng bà có vay của ông N số tiền 500.000.00 đồng làm nhiều lần, lãi suất thỏa thuận, nhưng sau này do không đóng lãi, ông N buộc bà ghi biên nhận

vay 700.000.000 đồng, do ông N hăm dọa nên bà đồng ý viết nhưng thực tế số tiền vay chỉ có 500.000.000 đồng. Tuy nhiên bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc vay 500.000.000 đồng, tờ biên nhận tại bút lục 63 có ghi “có mượn tiền ông Nhựt số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) gốc và lãi, tính đến 26/7/2019”, chữ “và lãi” đã được gạch bỏ, nhưng tờ biên nhận này không có chữ ký của bên cho vay xác nhận có cho vay số tiền trên, do đó việc bà T trình bày có vay của ông N số tiền 500.000.000 đồng không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa ông N yêu cầu bà T cùng chồng là ông L phải thanh toán nợ cho ông, bà T cho rằng việc vay nợ của ông N chồng bà không hay biết, bà vay tiền để mua bán nhà đất, bà vay tiền từ ông N không dùng vào việc sinh hoạt chi tiêu trong gia đình. Thu nhập chính của gia đình bà T từ tiền lương. Ông N không chứng minh được số tiền này là nợ chung của vợ chồng ông L, bà T nên không có căn cứ buộc ông L cùng chịu trách nhiệm thanh toán nợ.

Ông N yêu cầu bà T, ông L thanh toán số nợ 597.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Ông N khai rằng việc vay nợ không có thỏa thuận lãi, đây là khoản vay không kỳ hạn và không có thỏa thuận lãi. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “4. *Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”. Trong quá trình vay, bà T có thanh toán cho ông N đến ngày 10/10/2020 âm lịch nhằm ngày 24/11/2020 bà T không thanh toán nữa (lần cuối thanh toán là ngày 09/10/2020 âm lịch nhằm ngày 23/11/2020). Do đó, bà T còn nợ 597.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 24/11/2020 cho đến khi xét xử xong vụ án (ngày 15/7/2022) là $19 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} \times 597.500.000 \text{ đồng} \times 0,83\% = 97.697.224 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là 695.197.224 đồng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh N, buộc bà Trương Thị Hồng T thanh toán cho ông N số tiền 695.197.224 đồng (sáu trăm chín mươi lăm triệu một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng). Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông N đối với số tiền 102.500.000 đồng.

Về án phí: Bà Trương Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho ông N.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh N, buộc bị đơn bà Trương Thị Hồng T phải thanh toán cho ông Trần Minh N số tiền 695.197.224 đồng (sáu trăm chín mươi lăm triệu một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng), trong đó vốn gốc là 597.500.000 đồng (năm trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng), tiền lãi là 97.697.224 đồng (chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh N đối với bị đơn bà Trương Thị Hồng T về yêu cầu thanh toán số tiền 102.500.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Bà Trương Thị Hồng T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 31.807.889 đồng (ba mươi một triệu tám trăm lẻ bảy nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).

Trả lại cho ông Trần Minh N tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 16.465.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009290 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Nguyễn Hoàng L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thị xã Hà Tiên;
- Chi cục THADS Tx.Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Phương

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thị xã Hà Tiên;
- Chi cục THADS Tx.Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành

H

Giang Phước Thành